TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày: 26/5/2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kiều N**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Hình Thị N1,** sinh năm 1969 và ông **Đoàn Văn H**

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày: Trước đây bà có tổ chức chơi hụi tại địa phương, vợ chồng bà N1, ông H có tham gia 03 chân, cụ thể:

Dây hụi ngày 06/02/2010 âm lịch, vợ chồng bà N1 tham gia 02 chân, mỗi chân 2.000.000đồng, hốt một chân vào ngày 06/4/2010 và hốt một chân vào ngày 06/6/2010. Vợ chồng bà N1 nợ tiền hụi chết 22 lần x 2.000.000đồng x 2 chân =

88.000.000đồng. Sau đó, vợ chồng bà N1 có gửi trả 15.000.000đồng, còn nợ lại 73.000.000đồng.

Dây hụi ngày 30/8/2010 âm lịch, vợ chồng bà N1 tham gia 01 chân 1.000.000đồng, hốt vào ngày 10/12/2010, sau đó nợ tiền hụi chết 20 lần x 1.000.000đồng = 20.000.000đồng.

Tổng cộng vợ chồng bà N1 còn nợ tiền hụi bà là 93.000.000đồng từ đó đến nay không trả. Bà đã yêu cầu nhiều lần mà vợ chồng bà N1 chỉ hứa hẹn, tại biên bản hòa giải của ấp N ngày 23/9/2020 vợ chồng bà N1 hứa trả dần mỗi tháng mà cũng không thực hiện nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N1 trả cho bà tiền nợ hụi là 93.000.000đồng.

Do tình hình dịch bệnh, hoàn cảnh vợ chồng bà N1, ông H cũng khó khăn nên bà giảm bớt, nay bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà N1, ông H trả số tiền hụi là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng). Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn bà Hình Thị N1 trình bày: Vợ chồng bà thừa nhận có chơi hụi do bà N làm chủ và hiện nay còn nợ tiền hụi chết của bà N. Số tiền hụi còn nợ hai bên thống nhất là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) như biên bản hòa giải của ấp N ngày 23/9/2020 và bà đồng ý trả nợ hụi này. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà xin bà N cho trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi hết nợ 40.000.000đồng, thời gian bắt đầu trả là ngày 20/01/2022 dương lịch, cam kết không sai hẹn.

* Bị đơn ông Đoàn Văn H vắng mặt, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà N yêu cầu vợ chồng bà N1, ông H trả số tiền hụi là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), yêu cầu trả đủ một lần vì bà tạo điều kiện nhưng vợ chồng bà N1 hứa hẹn rất nhiều lần mà không thực hiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn ông H vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2, bà N1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc vợ chồng bà N1 trả số tiền hụi là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Hình Thị N1, ông Đoàn Văn H trả tiền nợ hụi. Do đó theo Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[2] Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông H vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N1, ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N1, ông H.

[3] Bà N khởi kiện cho rằng vợ chồng bà N1, ông H có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ và hiện nay còn nợ tiền hụi chết của bà N, tại phiên tòa sơ thẩm bà N yêu cầu trả số tiền hụi là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, qua các danh sách hụi viên, biên nhận nợ, biên bản hòa giải của ấp N ngày 23/9/2020 có đủ cơ sở để kết luận vợ chồng bà N1, ông H có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ và còn nợ tiền hụi của bà N. Số tiền hụi còn nợ được bà N và bà N1 thống nhất là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng) như biên bản hòa giải của ấp N ngày 23/9/2020 và biên bản hòa giải của Tòa án ngày 31/12/2021 (bút lục 09,10,32,33). Do đó buộc vợ chồng bà N1, ông H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền nợ hụi 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

[4] Đối với yêu cầu của bà N yêu cầu vợ chồng bà N1, ông H trả đủ một lần số tiền còn nợ; cũng như ý kiến của bà N1 khi hòa giải xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng do hoàn cảnh khó khăn. Xét thấy, tại phiên tòa bà N không đồng ý cho vợ chồng bà N1, ông H trả dần. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bà N1.

Trường hợp bà N1, ông H thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn để cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N buộc bà N1, ông H phải trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Bà N1, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 40.000.000đồng x 5% = 2.000.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hình Thị N1, ông Đoàn Văn H phải trả cho bà Nguyễn Thị Kiều N tiền hụi còn nợ là 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà N1, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

Bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.325.000đồng (hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo lai thu số 0005070 ngày 27/10/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh